|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 05/2024/NQ-HĐND | *Bà rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 7 năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với**

**khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ Quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP* *ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 120/BC-KTNS*  *ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản.

2. Các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Điều 3. Mức thu, đơn vị tính phí**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại khoáng sản** | **Đơn vị tính (tấn/m3khoáng sản nguyên khai)** | **Mức thu (đồng)** |
| 1 | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình | m3 | 2.000 |
| 2 | Sỏi | m3 | 9.000 |
| 3 | Đá Block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ) | m3 | 90.000 |
| 4 | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường | m3 | 7.500 |
| 5 | Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, brit, bentonit) | m3 | 6.750 |
| 6 | Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại STT 3) | m3 | 70.000 |
| 7 | Cát vàng | m3 | 7.500 |
| 8 | Cát trắng | m3 | 10.500 |
| 9 | Các loại cát khác | m3 | 6.000 |
| 10 | Đất sét, đất làm gạch, ngói | m3 | 3.000 |
| 11 | Nước khoáng thiên nhiên | m3 | 3.000 |
| 12 | Than khác (than bùn) | tấn | 10.000 |
| 13 | Cuội, sạn | m3 | 9.000 |
| 14 | Các loại đất khác | m3 | 2.000 |
| 15 | Khoáng sản không kim loại khác | tấn | 30.000 |

**Điều 4.** **Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khoá VII, Kỳ họp thứ Hai Mươi Hai thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều ~~4~~;  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);  - Bộ Tài chính;  - TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - UBMTTQVN tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - TTr. HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;  - Website Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh;  - Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;  - Lưu: VT, STNMT, CTHĐ. | **CHỦ TỊCH**  **Phạm Viết Thanh** |